

TÂM LÝ THẬN TRỌNG

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Vận tải biển 2024

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung 10 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 647,87 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 16,8%.

Ngành vận tải biển được dự báo duy trì tăng trưởng tốt trong thời gian tới nhờ thị trường thế giới có dấu hiệu ổn định, lạm phát tại các thị trường giảm, nhu cầu và sức mua phục hồi. Ngoài ra, tình hình sản xuất trong nước ổn định, nguồn hàng dồi dào; thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đạt kết quả tốt; các Hiệp định Thương mại tự do FTA phát huy tác dụng, giúp gia tăng kim ngạch ở các thị trường tăng trưởng nền kinh tế.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng 11,79 điểm trong phiên 21/11 kết phiên ở mức 1.228,33 điểm. Thanh khoản giảm 37,18% so với phiên giao dịch ngày 20/11. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 853 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường có khả năng xuất hiện lực bán giá cao quanh vùng 1.230 – 1.240 trong phiên giao dịch ngày 22/11. Dù hôm qua là phiên tăng điểm với sắc xanh lan tỏa, sự hồi phục vẫn tiềm ẩn rủi ro khi dòng vốn ngoại tiếp tục bán ròng và thanh khoản chưa thực sự thuyết phục. Dự báo thị trường có thể gặp áp lực bởi áp lực bán quanh ngưỡng kháng cự 1.230-1.240, trong khi vùng 1.210 là hỗ trợ chủ đạo cho nhịp hồi hiện tại. Ở kịch bản tích cực, tín hiệu tạo đáy ngắn hạn được xác nhận nếu áp lực bán thấp. Tuy nhiên, nếu lực cung dồi dào, VN-Index có thể sẽ kiểm định lại 1.200 điểm trong thời gian tới.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

VOS

Khuyến nghị: **Mua**TP: **17.000 VND** | UPSIDE: **+15%**

Chiến lược hành động

MUA: Xu hướng điều chỉnh của thị trường vẫn đang hiện hữu. Khi xu hướng ngắn hạn vẫn đang ở trạng thái yếu, nhà đầu tư được khuyến nghị chỉ duy trì nắm giữ một vị thế an toàn và tránh các quyết định mua đuổi giá.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận.

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.228,33	0,97
KLCP (triệu CP)	482,15	-37,18
GTGD (tỷ VND)	12.179	-31,61
Khớp lệnh	10.541	-30,62
Thỏa thuận	1.638	-37,22
HNX-Index		
Đóng cửa	221,76	0,21
KLCP (triệu CP)	31,68	-46,39
GTGD (tỷ VND)	563,4	-44,38
UPCoM		
Đóng cửa	91,48	0,43
KLCP (triệu CP)	36,06	-16,56
GTGD (tỷ VND)	702,52	-15,79

Diễn biến TTCK Mỹ: Chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones và S&P 500 tăng vào thứ năm khi các nhà đầu tư đổ xô vào các cổ phiếu theo chu kỳ chuẩn bị hưởng lợi từ việc nền kinh tế đang tăng tốc và chuyển hướng khỏi các cổ phiếu công nghệ. Dow tăng 461,88 điểm, tương đương 1,06%, đóng cửa ở mức 43.870,35. S&P 500 tăng 0,53% và đóng cửa ở mức 5.948,71. Nasdaq thiên về công nghệ tăng 0,03% và đóng cửa ở mức 18.972,42.

Thế giới: Ngày 20/11, bà Lisa Cook, thành viên Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed), cho biết lạm phát của nước này tiếp tục giảm, với tiền lương và thị trường việc làm "hạ nhiệt", giá cả tăng cao chủ yếu thiên về lĩnh vực nhà ở. Với chiều hướng này, việc Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất được đánh giá là vẫn phù hợp. Trong nội dung chuẩn bị trình bày tại Đại học Virginia, bà Cook nhấn mạnh tổng thể dữ liệu cho thấy xu hướng lạm phát giảm vẫn đang diễn ra và thị trường lao động đang dẫn hạ nhiệt. Bà cho rằng việc điều chỉnh tỷ lệ lãi suất về mức trung lập có thể là điều phù hợp trong thời gian tới, song quyết định cụ thể sẽ phụ thuộc vào các dữ liệu kinh tế mới, như sự thay đổi trong thị trường lao động và lạm phát. Tuy nhiên, Thống đốc Fed dự đoán lạm phát sẽ giảm xuống còn 2,2% vào năm tới và sẽ thấp hơn sau đó trong bối cảnh kinh tế tiếp tục khởi sắc đi đôi với thị trường lao động vững chắc.

Việt Nam: Với đà tăng trưởng tốt, xuất khẩu rau quả có thể đạt 6,6 tỷ USD trong 11 tháng, tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Số liệu này được Hiệp hội Rau quả Việt Nam tính toán dựa trên dữ liệu từ hải quan. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường mua rau quả Việt nhiều nhất, gần 4,1 tỷ USD trong 10 tháng. Mức này tăng gần 30% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 66,5% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam. Các thị trường khác như Mỹ tăng trưởng 35%, Hàn Quốc (41%) và Thái Lan (70%). Trong khi đó, Hà Lan là thị trường duy nhất sụt giảm 26%. Sầu riêng là loại trái cây chiếm khoảng 40-45% kim ngạch xuất khẩu rau quả trong 10 tháng đầu năm nay. Trong đó, Trung Quốc là thị trường mua nhiều loại quả này, với 3 tỷ USD. Nhờ đó, Việt Nam giữ vị trí thứ hai về thị phần xuất khẩu sầu riêng sang thị trường tỷ dân này, với 39%, sau Thái Lan (60,2%).

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giao dịch quanh mức 25.422.

Thép: Giá thép thanh tương lai ở mức trên 3.300 CNY/tấn (460,03 USD/tấn) vào tháng 11, mức cao nhất trong hơn một tháng, khi thị trường đánh giá lại tác động của viện trợ kinh tế của Trung Quốc đối với nhu cầu kim loại đen.

GAS & POW: Ngày 19/11/2024, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đã tổ chức Lễ ký hợp đồng cung cấp LNG phục vụ việc chạy thử hai nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Nhằm đáp ứng các cam kết của Chính phủ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đang có những nỗ lực lớn tham gia quá trình chuyển đổi năng lượng quốc gia. Trong đó, hai đơn vị thành viên Petrovietnam là PV GAS và PV Power đang tiên phong cung cấp/sử dụng LNG nhập khẩu để sản xuất điện phục vụ cho phát triển kinh tế đất nước. PV Power hiện đang trong quá trình đầu tư nhiều dự án điện sử dụng LNG có quy mô lớn như Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Cùng với đó, PV Power cũng đang trong quá trình chuyển đổi một số nhà máy điện sử dụng khí tự nhiên sang LNG..

VGC: Theo Quyết định số 1438 của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà ký ngày 20/11, Tổng Công ty Viglacera - CTCP được chấp thuận là nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Yên Bái. Cũng tại quyết định nêu trên, Phó Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với quy mô hơn 54 ha với tổng vốn đầu tư hơn 2.184 tỷ đồng; được triển khai trên địa bàn xã Bảo Hưng và Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Khu công nghiệp Trấn Yên được xác định là khu công nghiệp tập trung thuộc hệ thống các khu công nghiệp quốc gia, có chức năng đa ngành, được chia làm 3 giai đoạn đầu tư.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.948,71	0,53	24,72
DJIA	43.870,35	1,06	16,40
Nasdaq	18.972,42	0,03	26,39
Shanghai	3.370,40	0,07	13,29
Hang Seng	19.601,11	-0,53	14,98

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.669,09	0,71	29,40
Dầu WTI	70,15	1,66	-2,09
Dầu Brent	74,26	1,61	-3,61
Than	141,50	0,18	-3,35
Đồng	4,1075	-0,75	5,85
Quặng sắt	101,95	0,06	-25,24
Thép	461,59	0,34	-16,27

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	107,03	0,39	5,58
USD/JPY	154,49	-0,50	9,52
USD/CNY	7,2532	0,05	1,80
EUR/USD	1,0475	-0,65	-5,08
GBP/USD	1,2590	-0,48	-1,09

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
VHM	1.493,45	43,30	-
VPB	529,44	19,20	2,67
DPM	110,42	34,85	3,11
RDP	3,08	1,47	-6,37
CTF	33,67	22,85	0,22

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
VHM	1.493,45	43,30	-
VPB	529,44	19,20	2,67
MWG	472,48	58,70	3,35
FPT	419,16	133,00	0,45
SSI	344,86	24,60	1,23

VOS

(HOSE)

Khuyến nghị

Khuyến nghị	Mua
Giá hiện tại (21/11/2024)	15.100
Giá mục tiêu	17.000
Tiềm năng tăng trưởng	15%-20%
Vùng mua	14.100-14.800
Ngưỡng cắt lỗ	<13.800

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T đầu năm 2024, VOS ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ lần lượt là 4.239 tỷ đồng (+86,1% svck) và 344,3 tỷ đồng, gấp 6,8 lần cùng kỳ năm trước.

Tài chính vững mạnh: Tính tới ngày 30/9/2024, tổng tài sản của Vosco tăng 10,5% so với đầu năm, lên 3.000,3 tỷ đồng. Trong đó, tài sản chủ yếu tiền và đầu tư tài chính dài hạn ghi nhận 1.495,1 tỷ đồng, chiếm 49,8% tổng tài sản; tài sản cố định ghi nhận 579 tỷ đồng, chiếm 19,3% tổng tài sản; các khoản phải thu ngắn hạn ghi nhận 494,7 tỷ đồng, chiếm 16,5% tổng tài sản và các khoản mục khác.

Đội tàu vững mạnh: Vosco đang quản lý và khai thác 13 tàu, tổng trọng tải khoảng 420.000 tấn. Trong đó, Công ty sở hữu 09 tàu, gồm 07 tàu hàng khô và hàng rời cùng 02 tàu container, còn lại là 02 tàu dầu sản phẩm và 02 tàu hóa chất thuê ngoài. Tàu gần đây nhất Vosco đầu tư là Vosco Sunrise, nhận vào năm 2013. Dự kiến đội tàu này sẽ tăng công suất vận chuyển mạnh vào cuối năm khi nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng tăng.

Kế hoạch nâng cấp đội tàu: Tại ĐHĐCĐ bất thường 2024, VOS đã thông qua kế hoạch nâng cấp đội tàu. Giá trị tối đa 414 triệu USD. Kế hoạch đầu tư tàu của VOS năm 2024 điều chỉnh bổ sung thêm 10 tàu, bao gồm mua 2 tàu hàng rời cỡ Supramax, 4 tàu Ultramax và 4 tàu dầu sản phẩm cỡ MR. Các tàu có thể được đóng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc hoặc Việt Nam. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ vốn vay và tự có của VOS, với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VOS đang tích cực lấy lại các mốc MA ngắn và dài hạn, đồng thời các chỉ báo MFI, RSI cũng đang cho xu hướng tiến về vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Hàng & dịch vụ công nghiệp
Biến động giá 1Y	9.900-21.900
KLGBQ 10D (CP)	3.769.440
Vốn hóa (tỷ đồng)	2.114,00
BVPS	14.271
P/E (lần)	4,60
P/B (lần)	1,03
EPS (VND)	3.205,85
SL CPLH (triệu CP)	140,00
Tỷ lệ free-float (%)	50,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	2,23
ROA (%)	15,27
ROE (%)	24,17

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	49,88	Quan sát
MFI	64,68	Quan sát
MA10	15,57	Quan sát
MA20	14,85	Mua
MA50	15,18	Quan sát
MA100	36,33	Quan sát

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
Danh mục theo dõi										
1	VRE	Theo dõi	17,8-18,1			20.000	17.000			
2	VCG	Theo dõi	16,8-17,2			19.300	16.100			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	LPB	Nắm giữ	31,2-31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850			0,0%
2	DGC	Nắm giữ	106,0-108,0	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			-0,4%
3	DPM	Nắm giữ	34,3-34,7	11/11/2024	33.400	37.400	32.800			4,3%
4	MSN	Nắm giữ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400			0,0%
5	QNS	Nắm giữ	48,6-49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400			4,1%
6	PDR	Nắm giữ	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800			5,8%
7	POW	Theo dõi	11,2-11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000			1,3%
8	DRI	Theo dõi	11,8-12,0	21/11/2024	11.800	13.800	11.200			2,5%
9	VHC	Theo dõi	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			2,0%
10	CTG	Nắm giữ	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900			4,2%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	FPT	Chốt lời	118,0-124,0	06/8/24	120.000	149.000	113.000	18/10/24	137.700	14,2%
2	QNS	Chốt lời	47-47,7	23/9/2024	48.000	54.500	45.000	18/10/24	49.700	3,1%
3	PAN	Chốt lời	23,4-23,6	04/10/2024	23.000	26.000	22.300	18/10/24	24.400	6,5%
4	HSG	Cắt lỗ	20,5-21,0	08/10/2024	20.900	24.100	19.700	22/10/24	20.600	-1,4%
5	DGW	Cắt lỗ	45,0-46,0	17/10/2024	45.600	51.400	43.200	22/10/24	45.300	-0,7%
6	VGT	Cắt lỗ	13,6-14,2	19/9/2024	14.100	16.500	13.000	24/10/24	13.600	-3,5%
7	VHC	Chốt lời	69,5-70,3	09/10/2024	70.500	78.200	67.000	24/10/24	72.900	3,4%
8	VGC	Cắt lỗ	42,5-43,8	11/10/2024	43.700	49.600	41.000	24/10/24	40.800	-3,8%
9	KBC	Cắt lỗ	27-27,6	18/10/2024	27.500	33.300	25.900	24/10/24	26.400	-4,0%
10	CTD	Chốt lời	63,2-64,2	21/10/2024	63.400	70.000	60.600	24/10/24	67.800	6,9%
11	SAB	Cắt lỗ	55,6-57,2	26/9/2024	57.500	65.000	53.800	25/10/24	56.000	-2,6%
12	IDC	Chốt lời	55-55,7	23/10/2024	53.800	63.800	52.650	05/11/24	55.700	3,5%
13	HAH	Chốt lời	41,2-42	28/10/2024	42.000	46.800	39.500	08/11/24	46.500	10,7%
14	MWG	Chốt lời	63,1-63,7	16/10/2024	64.300	69.300	60.300	11/11/24	65.000	1,09%
15	VGI	Chốt lời	69,0-72,0	06/11/2024	72.000	82.700	67.000	11/11/24	89.500	24,3%
16	TCB	Cắt lỗ	24,2-24,6	17/10/2024	24.100	26.600	23.200	12/11/24	23.400	-2,9%
17	SZC	Chốt lời	37,6-38,3	23/10/2024	38.100	42.500	36.400	12/11/24	42.700	12,1%
18	HDG	Chốt lời	26,0-27,0	06/11/2024	27.550	31.000	25.200	12/11/24	28.600	3,8%
19	VCI	Chốt lời	35-35,5	31/10/2024	34.300	41.200	33.500	14/11/24	34.700	1,2%
20	DBC	Chốt lời	27,4-28	31/10/2024	27.700	32.000	26.300	14/11/24	28.000	1,1%
21	NKG	Cắt lỗ	20,8-21,2	08/11/2024	21.050	24.000	19.900	14/11/24	20.000	-1,2%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.